

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THÔNG TƯ 23
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành: Ngôn ngữ Pháp
Mã số: 7220203 CLC

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN, ngày tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về ngành đào tạo

- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Pháp
 - + Tiếng Anh: French
- **Mã số ngành đào tạo: 7220203**
- **Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân**
- **Thời gian đào tạo: 4 năm**
- **Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp (Chương trình chất lượng cao)
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in French (Honors Program)
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN**

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung:

Với triết lý giáo dục **tri nhận xã hội, lấy người học làm trung tâm, nâng cao năng lực tự chủ của người học**, Chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao (CLC) ngành Ngôn ngữ Pháp thiết kế theo hướng ***học tập trải nghiệm sáng tạo, hướng dẫn người học phương pháp tự lĩnh hội tri thức và hoàn thiện kỹ năng thông qua các hoạt động trải nghiệm***. Chương trình đào tạo cử nhân sử dụng thành thạo cả hai ngoại ngữ là tiếng Pháp và tiếng Anh, có kỹ năng biên phiên dịch, có kiến thức và kỹ năng về kinh tế - du lịch, có kiến thức về đất nước, văn hóa, xã hội Việt Nam và về cộng đồng Châu Âu, đặc biệt là về các quốc gia nói tiếng Pháp. Cử nhân tốt nghiệp tiếng Anh và đặc biệt là tiếng Pháp của CTĐT này có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, kinh tế và du lịch. Họ cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học

tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

- Mục tiêu cụ thể: 6 nhóm năng lực

● **Năng lực tiếng Pháp:** Sử dụng thành thạo tiếng Pháp bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam/ KNLNNVN (tương đương C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ). Có thể sử dụng tiếng Pháp linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể sử dụng thành thạo tiếng Pháp trong hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực kinh tế - du lịch.

● **Năng lực giao tiếp tiếng Anh:** Sử dụng thành thạo tiếng Anh bậc 5 theo KNLNNVN (tương đương C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ). Có thể sử dụng tiếng Anh linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích giao tiếp, xã hội.

● **Năng lực về văn hoá - xã hội:** Có khả năng vận dụng những hiểu biết tương đối sâu rộng về đất nước, văn hóa, con người, xã hội Việt Nam và các quốc gia nói tiếng Pháp, cũng như của cộng đồng Châu Á và Châu Âu để thực hiện các giao tiếp liên văn hóa. Có khả năng vận dụng sáng tạo những kiến thức về văn hóa, xã hội và năng lực giao tiếp liên văn hóa vào cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

● **Năng lực biên - phiên dịch:** Có khả năng phân tích, vận dụng những kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch, về phương pháp dịch thuật để thực hành biên phiên dịch Pháp - Việt, Việt - Pháp, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế - du lịch; bước đầu có khả năng phiên dịch Việt - Anh, Anh - Việt và khi cần thiết có thể đảm nhiệm được những nhiệm vụ chuyển ngữ Pháp - Anh, Anh -Pháp.

● **Năng lực về quản trị du lịch và lữ hành, doanh nghiệp - khởi nghiệp - hành chính văn phòng và quan hệ quốc tế:** Có khả năng vận dụng hiệu quả những hiểu biết cơ bản và thực tế về lĩnh vực du lịch và lữ hành, doanh nghiệp - khởi nghiệp - hành chính văn phòng và quan hệ quốc tế vào công việc chuyên môn và phát triển bản thân.

● **Kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ:** Có những kỹ năng cần thiết để đáp ứng tốt yêu cầu trong hoạt động chuyên môn và phát triển bản thân như kỹ năng giao tiếp, giao tiếp liên văn hóa, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng hợp tác, kỹ năng tư duy phản biện, năng lực nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, khả năng linh hoạt, thích ứng cao trong môi trường sống và làm việc cạnh tranh đa văn hóa

3. Thông tin tuyển sinh

- **Hình thức tuyển sinh:** thi tuyển, xét tuyển theo Đề án tuyển sinh được Bộ GDĐT và ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.
- **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước, đăng kí xét tuyển vào CTĐT theo các tổ hợp xét tuyển trường đã công bố.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Chuẩn đầu ra về kiến thức có thể được mô tả chi tiết thành các tiêu chí như sau:

1.1	Vận dụng được kiến thức và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng
1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về thông tin và mạng truyền thông, áp dụng được các kiến thức đó vào học tập, nghiên cứu và công việc hàng ngày.
1.3	Sử dụng thành thạo tiếng Pháp đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN) và có trình độ ngoại ngữ 2 TA đạt bậc 5 theo KNLNNVN.
1.4	Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao để rèn luyện tăng cường sức khỏe và tham gia các hoạt động thể thao cộng đồng.
1.5	Hiểu và giải thích một cách cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng-an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.
1.6	Hiểu biết kiến thức cơ bản về địa lý thế giới và địa lý các nước khối Pháp ngữ, đối chiếu với đặc điểm địa lý Việt Nam, trình bày được các kiến thức đó bằng tiếng Pháp.
1.7	Nắm vững các kiến thức cơ bản theo khối ngành liên quan đến tiếng Pháp, tiếng Việt, văn hóa Pháp, văn hóa Việt Nam và vận dụng chúng vào học tập, nghiên cứu cũng như công việc chuyên môn.
1.8	Nắm vững những kiến thức cơ bản theo nhóm ngành như ngữ âm học, âm vị học, hình thái học tiếng Pháp, v.v. và vận dụng những kiến thức đó trong học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn.
1.9	Hiểu được các kiến thức về văn hóa, xã hội chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của các quốc gia nói tiếng Pháp, vận dụng những kiến thức đó trong môi trường giao tiếp liên văn hóa.
1.10	Áp dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô và mối quan hệ của kinh tế quốc tế vào trong thực tế công việc và cuộc sống.

Chuẩn đầu ra này có thể được tổng hợp thành 5 nội dung lớn sau:

1.1. Kiến thức chung

- Người học có khả năng đưa ra nhận định và phán quyết của bản thân về hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Có kiến thức tổng hợp cơ bản và mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng

Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng;

- Xác định được các nguyên tắc, cấu trúc của các kiến thức tin học nâng cao, đánh giá được các cách sử dụng và khai thác công nghệ thông tin tiên tiến nhằm phục vụ công việc và các tính toán thống kê đơn giản;

- Vận dụng sáng tạo những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Đánh giá được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu trong các hoạt động thể thao cộng đồng;

- Hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Người học có khả năng đưa ra nhận định và phán quyết của bản thân đối với các vấn đề cơ bản về địa lý thế giới, địa lý Pháp và Pháp ngữ và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Pháp, đối chiếu được đặc điểm địa lý Pháp, các nước Pháp ngữ và Việt Nam;

- Có thể khuyến cáo về trách nhiệm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia và quốc tế và có thể đánh giá các điểm mạnh, yếu của việc bảo vệ môi trường tại địa phương;

- Đánh giá được các kiến thức cơ bản về kinh tế, du lịch và về biết vận dụng linh hoạt các kiến thức về mối quan hệ của kinh tế, du lịch quốc tế vào trong thực tế công việc và cuộc sống.

1.3. Kiến thức theo khối ngành

- Đánh giá được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam;

- Phân tích, lý giải được bản chất, chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa học, dụng học tiếng Việt để vận dụng vào việc học tập và nghiên cứu ngoại ngữ, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp sau này;

- Có khả năng tạo lập văn bản dưới dạng nói và viết bằng tiếng Việt để thể hiện quan điểm cá nhân và tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt;

- Đánh giá được các kiến thức về văn hoá - xã hội, nghệ thuật để phát triển năng lực tư duy phê phán và hình thành phương pháp học tập ngoại ngữ có hiệu quả;
- Đánh giá được các kiến thức về văn hóa các nước ASEAN để vận dụng, sáng tạo trong giao tiếp, công việc và cuộc sống.

1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

- Bình luận, đánh giá được những kiến thức cơ bản về ngữ âm học và âm vị học tiếng Pháp để có thể tự chỉnh sửa, nâng cao khả năng nói tiếng Pháp chính xác, biểu cảm;
- Bước đầu đánh giá được các kiến thức về ngữ pháp và ngữ nghĩa tiếng Pháp một cách hệ thống để có thể vận dụng linh hoạt trong quá trình giao tiếp nói và giao tiếp văn bản; xếp loại được các kỹ năng phân tích ngữ nghĩa để có thể tổng hợp, vận dụng chính xác ý nghĩa của từng đơn vị ngôn ngữ trong tiếng Pháp;
- Người học có khả năng đưa ra nhận định và phán quyết của bản thân đối với các kiến thức về văn hóa, đất nước, con người Pháp nói riêng cũng như toàn khối Pháp ngữ nói chung (gồm các kiến thức về xã hội chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của khối Pháp ngữ, đặc biệt là hệ thống các quan niệm về giá trị của Pháp và khối Pháp ngữ) để có thể vận dụng linh hoạt các kiến thức này vào trong cuộc sống và trong công việc. Có thể chỉ ra sự tương đồng và khác biệt trong văn hóa của Việt Nam và các nước có sử dụng tiếng Pháp khác;
- Đánh giá được các kiến thức cơ bản về giao tiếp liên văn hóa nói chung, giao tiếp liên văn hoá Pháp ngữ - Việt nói riêng, biết cách lí giải nguyên nhân của các hiện tượng “sốc” văn hóa. Đánh giá được các qui tắc ứng xử, phép lịch sự, v.v. để vận dụng những kiến thức đó vào cuộc sống và công việc chuyên môn và lựa chọn phương cách ứng xử phù hợp trong môi trường liên văn hóa, đa văn hóa hiện nay;
- Vận dụng linh hoạt kiến thức ngôn ngữ tiếng Pháp ở trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam để thực hiện quá trình giao tiếp cũng như triển khai công việc chuyên môn;
- Vận dụng linh hoạt kiến thức tiếng Pháp trong các tình huống thực tế thông qua các hoạt động thực hành thực tiễn, ... như lồng tiếng cho phim, đóng kịch, hướng dẫn du lịch và giới thiệu văn hoá Việt Nam bằng tiếng Pháp, ... trong những môi trường làm việc với người Pháp và người dân các nước trong khối Pháp ngữ tại Việt Nam, hoặc đang sinh sống và làm việc tại các nước nói tiếng Pháp.

1.5. Kiến thức ngành

- Đánh giá được các kiến thức lý thuyết và thực hành nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch nhằm phục vụ công tác biên, phiên dịch trong công việc chuyên môn, đặc biệt là các công việc trong văn phòng, công ty, doanh nghiệp có sử dụng hoặc liên quan tới tiếng Pháp;
- Đánh giá được các kiến thức về kinh tế, du lịch, văn hóa doanh nghiệp Pháp ngữ để phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc; bước đầu hình thành các ý tưởng, xây dựng, tham gia, thực hiện các phương án, dự án trong lĩnh vực kinh tế, du lịch; Bình luận được các kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn của doanh nghiệp.
- Xếp loại được các kiến thức và kỹ năng thực hành thực tế nhờ tích lũy trong quá trình thực tế và thực tập tại các doanh nghiệp có sử dụng tiếng Pháp tại Việt Nam hoặc tại các nước có sử dụng Tiếng Pháp. Bước đầu, có thể lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình thực hiện các chương trình du lịch dành cho khách Việt Nam và quốc tế và có thể lập kế hoạch, tổ chức và giám sát một số chương trình đặc thù của các doanh nghiệp nơi tiếp nhận thực tập.

1. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực sử dụng chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;
- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh và tiếng Pháp; có khả năng diễn đạt vấn đề ở hình thức nói và viết một cách rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu, phù hợp về văn phong;
- Có kỹ năng về dịch, về kinh tế và về du lịch. Có khả năng biên tập tốt;
- Có khả năng quản lý thời gian;
- Có khả năng tập trung cao độ, biết vượt qua các áp lực về tâm lý, thời gian, khối lượng công việc;

- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân;
- Có khả năng áp dụng kiến thức rộng kết hợp sâu sắc những khái niệm lí thuyết;
- Có khả năng áp dụng những khái niệm lí thuyết và kĩ năng chuyên môn, sáng tạo vào các tình huống khác nhau;
- Có khả năng thường xuyên đưa ra những đánh giá, phán đoán có giá trị;
- Có kĩ năng thích ứng, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kĩ năng phân tích và tổng hợp.
- Có kĩ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi
- Có kĩ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Có kĩ năng truyền đạt vấn đề và có giải pháp tới người khác tại nơi làm việc. Có khả năng chuyển tải, phổ biến kiến thức, kĩ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lí luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và cống hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội;
- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, xã hội.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng đưa ra các giả thiết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thiết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Tư duy logic và có hệ thống khi tiếp cận, xử lí các vấn đề chuyên môn về ngôn ngữ văn hóa Pháp ngữ, dịch thuật Việt-Pháp và các vấn đề liên quan đến kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung.

2.1.5. Khả năng thích ứng với bối cảnh lịch sử, xã hội và ngoại cảnh

- Có năng lực nhận thức xã hội, khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

2.1.6. Khả năng thích ứng với bối cảnh tổ chức

- Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của đơn vị để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của đơn vị trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề; khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề; khuyến khích sáng tạo và tự tin khi làm công tác dịch thuật, hiểu biết và sử dụng các chiến lược, khả năng quyết định mức độ tin cậy dựa theo công việc biên dịch và chức năng văn bản, học cách đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng dịch chất lượng và tốc độ, vượt qua được những áp lực, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường, kỹ năng tự đánh giá và đánh giá chéo;

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc;

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế sử dụng các thông tin thu được vào công việc.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có khả năng sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế. Có khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Có kỹ năng quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

- Hình thành nhóm làm việc hiệu quả; vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

- Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết;
- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Pháp): Có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp ở mức thành thạo, có thể hiểu rõ nội dung của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng tiếng Pháp để diễn đạt, xử lý các tình huống chuyên môn trong công việc; có thể viết được báo cáo, văn bản và trình bày ý kiến trong công việc chuyên môn liên quan đến các nội dung về ngôn ngữ, kinh tế, văn hóa, xã hội;
- Kỹ năng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Anh): Có năng lực tiếng Anh giao tiếp ở mức thành thạo, năng lực tiếng Anh đạt bậc 5 theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*, có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và xử lý các tình huống trong công việc.

2.2.6. Các kỹ năng công nghệ thông tin

- Có kỹ năng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn (EView, SPSS...); thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu;
- Các kỹ năng máy tính cần thiết: làm quen với vị trí làm việc của người phiên dịch, dịch có trợ giúp của máy tính, dịch tự động có sự trợ giúp của con người, học từ các nguồn điện tử: dữ liệu và tiếp cận tới các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

2. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của SV trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng;
- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc;
- Các phẩm chất đạo đức cá nhân và thái độ cốt lõi của SV sau khi tốt nghiệp gồm:
 - + **Nhân ái:** Khoan dung, cảm thông, chia sẻ, cởi mở với mọi người.
 - + **Năng động:** Nhiệt tình, chủ động, say mê sáng tạo trong công việc và trong cuộc sống; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc; có khả năng dẫn thân.
 - + **Tự tin:** Hiểu rõ năng lực bản thân, dám đương đầu với rủi ro, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; kiên trì, nhẫn nại; biết kiềm chế, điều tiết cảm xúc và tìm sự cân bằng trong cuộc sống; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn;
- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-piêu dịch và các công việc khác; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp;
- Biết ứng xử tốt, thân thiện, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân. Có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực sử dụng chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Biên dịch viên/Phiên dịch viên/Biên tập viên: có khả năng làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường và cấp lãnh đạo cơ quan, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Pháp, biên tập và truyền tin hàng ngày ở các vị trí phiên dịch, biên tập viên, phóng viên và chuyên gia hiệu đính bản tin các chương trình thời sự, văn hóa xã hội của các cơ quan thông tấn, báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh... Đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội;

Nhóm 2: Thư ký văn phòng/Trợ lý đối ngoại/Điều phối dự án: Có khả năng làm việc tại các công ty của Pháp và các nước khối Pháp ngữ, hoặc công ty Việt Nam, các tập đoàn đa quốc gia có sử dụng Tiếng Pháp, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, xử lí các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Pháp và tiếng Anh;

Nhóm 3: Nhân viên điều phối, quản lý trong lĩnh vực du lịch, khách sạn: Có khả năng làm việc tại các công ty, doanh nghiệp về du lịch, lữ hành, khách sạn, phụ trách các mảng công việc liên quan đến hướng dẫn tour du lịch, quản trị kinh doanh khách sạn, quản trị kinh doanh lữ hành;

Nhóm 4: Nguồn nhân sự cho vị trí quản lý bậc trung: Có khả năng phát triển đề trong thời gian ngắn trở thành quản lý bậc trung phụ trách các mảng như quản lý dự án, quản lý văn phòng, quản lý công tác đối ngoại v.v tại các công ty Pháp, liên doanh hoặc công

ty Việt Nam, các tập đoàn đa quốc gia, có thể làm việc tại Việt Nam, Pháp và các nước trong khu vực, các nước khối Pháp ngữ;

Nhóm 5: Nghiên cứu viên: Người học có thể làm nghiên cứu viên trong các trung tâm nghiên cứu văn hóa, ngôn ngữ hoặc tiếp tục nghiên cứu ngôn ngữ Pháp và học lên trình độ cao học cùng chuyên ngành.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến công việc dịch thuật, các công việc văn phòng, các công tác nghiên cứu và giảng dạy;

Cử nhân ngành ngôn ngữ Pháp có cơ hội học lên bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) trong nước hoặc ngoài nước ở các chuyên ngành thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, văn hóa, du lịch, kinh tế Pháp ngữ.

Có thể khái quát chuẩn đầu ra về kiến thức, kĩ năng, phẩm chất thái độ, vị trí việc làm của chương trình đào tạo chất lượng cao Ngành ngôn ngữ Pháp như sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
1	Kiến thức
1.1	Vận dụng được kiến thức và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng
1.2	Sử dụng thành thạo tiếng Pháp ở bậc 5 theo Khung NLNN6 bậc dùng cho VN, đặc biệt là sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp về kinh tế, du lịch. Biết diễn đạt ý tứ của vấn đề ở dạng nói và viết một cách rõ ràng, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, phù hợp về văn phong, có khả năng biên tập tốt.
1.3	Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho VN.
1.4	Phân tích được các nội dung về kiến thức ngôn ngữ Pháp, có khả năng vận dụng các kiến thức này trong giao tiếp, trong công việc và trong cuộc sống.
1.5	Hiểu biết và có thể so sánh những nét tương đồng và khác biệt về đất nước, văn hóa, con người, xã hội Việt Nam và các nước khối Pháp ngữ; có những hiểu biết nhất định về văn hóa các nước Asean và các nước Châu Á. Có khả năng vận dụng những kiến thức này vào trong công việc và cuộc sống, trong giao tiếp liên văn hóa.

Mã CDR	Nội dung CDR
1.6	Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới và địa lý các nước khối Pháp ngữ, đối chiếu với đặc điểm địa lý Việt Nam, trình bày được các kiến thức đó bằng tiếng Pháp.
1.7	Hiểu rõ mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương
1.8	Hiểu biết và có khả năng hệ thống hóa lý thuyết và kỹ năng biên phiên dịch, có khả năng biên phiên dịch trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, du lịch, thương mại.
1.9	Áp dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô và mối quan hệ của kinh tế quốc tế vào trong thực tế công việc và cuộc sống.
1.10	Hiểu biết cơ bản và thực tế về kinh tế, du lịch Pháp ngữ. Có khả năng áp dụng những hiểu biết này vào trong công việc và phát triển năng lực bản thân.
2	Kĩ năng
2.1	<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>
2.1.1	Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau.
2.1.2	Có kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo.
2.1.3	Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân.
2.1.4	Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.
2.1.5	Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề; khả năng nhận diện, lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, xã hội.
2.1.6	Có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường, bối cảnh xã hội và tổ chức nơi mình làm việc.
2.1.7	Có khả năng thường xuyên đưa ra những đánh giá, phán đoán có giá trị

Mã CDR	Nội dung CDR
2.1.8	Tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lí các vấn đề thuộc lĩnh vực dịch nói riêng và các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung.
2.2	Kỹ năng hỗ trợ
2.2.1	Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói, gồm giao tiếp thường ngày, giao tiếp xã hội và giao tiếp liên văn hóa.
2.2.2	Có kỹ năng hợp tác làm việc gồm làm việc theo nhóm, khả năng quản lý nhóm, phối hợp trong nhóm, cân bằng cảm xúc, điều hòa các mối quan hệ trong hợp tác.
2.2.3	Có kỹ năng tư duy phản biện, tư duy logic, hệ thống khi tiếp cận và xử lí các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung và vấn đề chuyên môn nói riêng.
2.2.4	Có khả năng quản lý thời gian, gồm lập kế hoạch, triển khai và giám sát công việc, phân tích và giải quyết vấn đề, đánh giá hiệu quả công việc.
2.2.5	Sử dụng thành thạo tin học văn phòng, các phần mềm và các ứng dụng của tin học văn phòng tiếng Pháp để phục vụ cho công việc
2.2.6	Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng, các thiết bị dịch thuật thông dụng
3	Phẩm chất thái độ
3.1	Có tinh thần tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân; trung thực, dũng cảm vì lương tri, lẽ phải và sự công bằng.
3.2	Nhân ái: Khoan dung, cảm thông, chia sẻ, cởi mở với mọi người.
3.3	Năng động: Nhiệt tình, chủ động, say mê sáng tạo trong công việc và trong cuộc sống; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc; có khả năng dần thân.
3.4	Tự tin: Hiểu rõ năng lực bản thân, dám đương đầu với rủi ro, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; kiên trì, nhẫn nại; biết kiềm chế, điều tiết cảm xúc và tìm sự cân bằng trong cuộc sống; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.
3.5	Tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, luôn coi trọng đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần học hỏi cầu tiến

Mã CDR	Nội dung CDR
3.6	Sẵn sàng theo đuổi đam mê nghề nghiệp; hình thành ý thức học để chung sống và hòa hợp những nền văn hóa khác nhau.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo :	152 tín chỉ
- Khối kiến thức chung :	21 tín chỉ
<i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)</i>	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	12 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc :</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/12 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức theo khối ngành:	14 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc :</i>	<i>10 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/16 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	57 tín chỉ
<i>Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa</i>	<i>18 tín chỉ</i>
+ <i>Bắt buộc :</i>	<i>12 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/33 tín chỉ</i>
<i>Khối kiến thức tiếng bắt buộc</i>	<i>39 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành:	48 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc :</i>	<i>24 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>12/45 tín chỉ</i>
<i>Kiến tập - Thực tập - Khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>12 tín chỉ</i>
+ <i>Kiến tập :</i>	<i>2 tín chỉ</i>
+ <i>Thực tập :</i>	<i>3 tín chỉ</i>
+ <i>Khoá luận tốt nghiệp</i>	<i>7 tín chỉ</i>

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không tính các học phần 8-9)	21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15		
2	PHI1008	Kinh tế chính trị Mác –Lênin <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	20	10		
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	20	10		
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	20	10		
6	FLF1107*	Tiếng Anh chất lượng cao 1 <i>English Fast-track 1</i>	5	30	75	15	
7	FLF1108***	Tiếng Anh chất lượng cao 2 <i>English Fast-track 2</i>	5	40	100	10	
8		Giáo dục thể chất <i>Physical education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng–an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	12				
II.1		Bắt buộc	6				
10	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc đại học <i>Skills for University Success</i>	3	27	15	3	
11	INE2020	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	27	15	3	
II.2		Tự chọn	6/12				
12	FRE2001***	Địa chính trị <i>Geo-politics</i>	3	27	15	3	FRE4029*
13	FRE1002	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	3	30	10	5	FRE4026*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14	FLF1005***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á <i>Understanding Asian Community</i>	3	27	15	3	
15	FLF1007	Công nghệ thông tin và truyền thông <i>Information and Communications Technology</i>	3	27	15	3	
III		Khối kiến thức theo khối ngành	14				
III.1		Bắt buộc	10				
16	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	3	30	10	5	
17	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học <i>Introduction to Vietnamese Linguistics</i>	3	30	10	5	
18	FLF1003	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	2	15	13	2	
19	FLF1006***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu <i>Understanding European Community</i>	2	15	13	2	
III.2		Tự chọn	4/16				
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	2	15	15		
21	VLF1053	Tiếng Việt thực hành <i>Practical Vietnamese</i>	2	20	6	4	
22	PHI1051	Logic học đại cương <i>General Logics</i>	2	20	6	4	
23	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật <i>Artistry</i>	2	20	10		
24	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới <i>History of World Civilization</i>	2	22	7	1	
25	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methodology</i>	2	15	13	2	
26	PSF3002	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	2	20	8	2	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
27	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN <i>Introduction to Southeast Asian Cultures</i>	2	20	8	2	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	57				
<i>IV.1</i>		<i>Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa</i>	<i>18</i>				
<i>IV.1.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>12</i>				
28	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1 <i>French Linguistics 1</i>	3	30	10	5	FRE4026*
29	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2 <i>French Linguistics 2</i>	3	30	10	5	FRE2038
30	FRE2047	Pháp ngữ học <i>Francophone Studies</i>	3	30	10	5	FRE4026*
31	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa <i>Intercultural Communication</i>	3	30	10	5	FRE4026*
<i>IV.1.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>6/33</i>				
32	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp <i>French Pragmatics</i>	3	30	10	5	FRE4026*
33	FRE2045	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse Analysis</i>	3	30	10	5	FRE4026*
34	FRE2044	Ngữ nghĩa học <i>Semantics</i>	3	30	10	5	FRE4026*
35	FRE2035***	Văn học Pháp ngữ <i>Francophone literature</i>	3	30	10	5	FRE4026*
36	FRE2046	Phân tích văn bản văn học <i>Analysis of Literary Works</i>	3	30	10	5	FRE4026*
37	ENG2044***	Văn minh phương Tây <i>Western Civilization</i>	3	30	10	5	
38	ENG2045***	Văn hóa và Chính trị trong kinh doanh <i>Culture and Polytics in Business</i>	3	30	10	5	
39	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột <i>Intercultural Communication and Conflict Resolution</i>	3	10	30	5	
40	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình <i>Public Speaking</i>	3	10	30	5	
41	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp <i>English for Business and Entrepreneurship</i>	3	10	30	5	
42	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp <i>English for Career Development</i>	3	10	30	5	
<i>IV.2</i>		<i>Khối kiến thức tiếng</i>	<i>39</i>				
43	FRE4021*	Tiếng Pháp 1A <i>French 1A</i>	4	32	80	8	
44	FRE4022*	Tiếng Pháp 1B <i>French 1B</i>	4	32	80	8	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
45	FRE4023*	Tiếng Pháp 2A <i>French 2A</i>	4	32	80	8	
46	FRE4024*	Tiếng Pháp 2B <i>French 2B</i>	4	32	80	8	
47	FRE4025*	Tiếng Pháp 3A <i>French 3A</i>	4	32	80	8	
48	FRE4026*	Tiếng Pháp 3B <i>French 3B</i>	4	32	80	8	
49	FRE4028*	Tiếng Pháp 4A <i>French 4A</i>	4	32	80	8	
50	FRE4029*	Tiếng Pháp 4B <i>French 4B</i>	4	32	80	8	
51	FRE4027**	Tiếng Pháp 3C <i>French 3C</i>	2	5	20	5	
52	FRE4030**	Tiếng Pháp 4C <i>French 4C</i>	2	5	20	5	
53	FRE2052****	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng <i>Public Speaking</i>	3	54	30	6	FRE4023*
V		Khối kiến thức ngành	48				
V.1		<i>Bắt buộc</i>	24				
54	FRE3032	Lý thuyết dịch <i>Translation Theory</i>	3	20	20	5	FRE4026*
55	FRE3034	Phiên dịch <i>Interpretation</i>	3	20	20	5	FRE4025*
56	FRE3017	Biên dịch <i>Translation</i>	3	20	20	5	FRE4026*
57	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề <i>Documentary Research</i>	3	20	20	5	FRE4026*
58	FLF1009****	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp <i>Innovative and Entrepreneurial Mindset</i>	3	20	20	5	
59	FRE3053	Nhập môn khoa học du lịch <i>Introduction to Tourism Science</i>	3	20	20	5	FRE4026*
60	FRE3059	Kinh tế Cộng đồng Pháp ngữ <i>Francophone Economie</i>	3	20	20	5	
61	FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao <i>Communication and Diplomatic Reception Etiquette</i>	3	20	20	5	FRE4026*
V.2		<i>Tự chọn</i>	12				
V.2.1		<i>Chuyên sâu</i>	6/27				
62	FRE3019	Biên dịch nâng cao <i>Advanced Translation</i>	3	20	20	5	FRE3017
63	FRE3036	Phiên dịch nâng cao <i>Advanced Interpretation</i>	3	20	20	5	FRE3034
64	FRE3018	Biên dịch chuyên ngành <i>Translation for Specific Purposes</i>	3	20	20	5	FRE3017

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
61	FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành <i>Interpretation for Specific Purposes</i>	3	20	20	5	FRE3034
62	FRE3020***	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	20	20	5	FRE4026*
63	FRE3027	Quản trị kinh doanh lữ hành <i>Travel Business Management</i>	3	20	20	5	FRE4026*
64	FRE3029	Quản trị kinh doanh khách sạn <i>Hospitality Business Management</i>	3	20	20	5	FRE4026*
65	FRE3058	Hướng dẫn du lịch <i>Travel Guide</i>	3	20	20	5	FRE4026*
66	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	20	20	5	
V.2.2		<i>Bổ trợ</i>	6/18				
67	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế <i>French for Economics</i>	3	20	20	5	FRE4026*
68	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính - ngân hàng <i>French for Finance and Banking</i>	3	20	20	5	FRE4026*
69	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch - khách sạn <i>French for Tourism and Hospitality</i>	3	20	20	5	FRE4026*
70	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh <i>French for Business Communication</i>	3	20	20	5	FRE4026*
71	FRE3047	Tiếng Pháp Luật <i>French for Law</i>	3	20	20	5	FRE4026*
72	FRE3044	Tiếng Pháp Hành chính-Văn phòng <i>French for Office administration</i>	3	20	20	5	FRE4026*
V.3		<i>Kiến tập - Thực tập - Khóa luận tốt nghiệp</i>	12				
73	FRE4050***	Kiến tập <i>Observation</i>	2				
74	FRE4001*	Thực tập <i>Internship</i>	3				
75	FRE4051**	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation paper</i>	7				
Tổng cộng			152				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

()*: Cùng tên học phần, cùng số tín chỉ nhưng nội dung và chuẩn đầu ra được nâng cao;

*(**)*: Cùng tên học phần nhưng khác số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra được nâng cao;

*(***)*: Học phần mới nhằm đạt chuẩn cao hơn của CTĐT.
Các học phần nâng cao này được tổ chức giảng dạy riêng.